TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga và bà Ngô Thị Như Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án TP Hòa Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25/7/2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị Bạch **K**, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: SN 09, tổ 06, phường **TB**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chỗ ở hiện tại: thôn Giang Liễu, xã Giang Liễu, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Anh **H**, sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: SN 09, tổ 06, phường **TB** , TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Chị **K** có mặt, anh **H** vắng mặt, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Quách Thị Bạch **K** trình bày:

Chị và anh Lê Anh **H** kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường **TB**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng anh chị hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **H** là người chồng quá ghen tuông vô cớ nên đã đánh đập chị nhiều lần. Cứ chị **K** đi làm ở đâu là anh **H** lại kiếm cớ gây sự đánh đập chị. Hai vợ chồng cũng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Vì không chịu được cảnh sống như vậy, chị **K** đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh **H**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên là Lê Ngân **H1**, sinh ngày 24/02/2012. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Tại các biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai của đại diện tổ dân phố, người làm chứng đều xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị **K**, anh **H** là do anh **H** là người chồng thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn và mỗi lần uống rượu lại ghen tuông đánh đập chị **K**. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cho chị **K** được ly hôn anh **H**; giao cho chị **K** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngân **H1**. Việc cấp dưỡng nuôi con chị **K** không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **H** theo quy định quả pháp luật tố tụng dân sự. Mặc dù anh **H** biết việc triệu tập của Tòa án nhân dân TP Hòa Bình nhưng đã không tới Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình. Chị **K** đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do vợ chồng đã không còn tình cảm, anh **H** cố tình trốn tránh, gây khó khăn. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Chị Quách Thị Bạch **K** khởi kiện vụ án tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con với anh Lê Anh **H**. Anh **H** có hộ khẩu thường trú tại: tổ 06, phường **TB**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Vụ

án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 1, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Anh **H**. Mặc dù anh **H** biết việc triệu tập nhưng không tới Tòa án để giải quyết, cố tình trốn tránh. Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập, chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và có nghĩa vụ chứng minh đối với yêu cầu của mình. Như vậy, trong vụ án này việc anh **H** không đến Tòa giải quyết, cố tình trốn tránh được coi như là từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ căn cứ vào các chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa đã tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Về sự có mặt của đương sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **K** và anh **H** kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND phường **TB**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện là đúng quy định của pháp luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **H** thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến gia đình và mỗi khi uống rượu lại ghe tuông vô cớ đánh đập chị **K**. Vì không thể chịu được cảnh sống như vậy chị **K** đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị **K** nhất quyết xin ly hôn vì vợ chồng đã không còn tình cảm. Căn cứ vào lời khai của đương sự và kết quả xác minh, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị **K** và anh **H** đã căng thẳng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **K**.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 01 con trai chung tên là Lê Ngân **H1**, sinh ngày 24/02/2012. Qua lời khai của người làm chứng và cá nhân cháu Lê Ngân **H1** cho biết anh **H** là người hay rượu chè, thường xuyên vắng nhà nên không chăm sóc được cho con và cháu **H1** cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị **K** hiện đang là công nhân thuộc Công ty TNHH Quang Minh Bắc Ninh, có thu nhập ổn định. Xét nguyện vọng của chị **K** xin được nuôi con là có cơ sở nên Tòa cần chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chị **K** không yêu cầu nên Tòa không xem xét. Anh **H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung:

Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **K** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 70; Điều 91; Điều 207; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 và các Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quách Thị Bạch **K** được ly hôn anh Lê Anh **H**.

2. Về con chung: Giao cho chị Quách Thị Bạch **K** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Ngân **H1**, sinh ngày 24/02/2012. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **K** không yêu cầu nên Tòa không đề cập giải quyết. Anh **H** có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị Bạch **K** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **K** đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai số 0002052, ngày 25/7/2019, nay được khấu trừ. Xác nhận chị **K** đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị **K** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh **H** có quyền kháng cáo với thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- UBND phường **TB**, TPHB;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Trường Sơn